

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đợt 6)

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	Nguyễn Văn Minh (Nguyễn Thị Băng)	Trương Thanh, xã Kỳ Khang	Đại Đông	3	328	-13,1	Năm 1978	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1978 cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm	1978	Không	Phù hợp
2	Nguyễn Thị Hanh	Bắc Xuân	Bắc Xuân	5	123	1.037,5	Năm 1990	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1990, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1990 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1990	Không	Phù hợp
3	Hoàng Văn Đức	Trương Thanh, xã Kỳ Khang	Đại Đông	3	12	126,7	1978	Đất do ông Hoàng Văn Đức nhận thừa kế QSD đất của cha mẹ năm 2025, thửa đất của cha mẹ ông Hoàng Văn Đức sử dụng làm nhà ở năm 1978, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm được sử dụng từ năm 1978 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1978	Không	Phù hợp
4	Đinh Văn Minh (Nguyễn Thị Lân)	Sa Xá	Sa Xá	67	637	154,5	Năm 2003	Đất do UBND xã giao làm nhà ở năm 2003, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm được sử dụng từ năm 2003 cho đến nay	Đất ở	2003	Không	Phù hợp
5	Lê Xuân Lộc	Bắc Xuân	Bắc Xuân	13	299	869,6	Trước ngày 18/12/1980	Đất do ông nhận thừa kế QSD đất năm 2025 thừa đất được cha mẹ ông Lê Xuân Lộc sử dụng làm nhà ở trước ngày 18/12/1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
6	Nguyễn Thị Huyền	Nam Xuân	Nam Xuân	140	155	2.314,4	Trước ngày 15/10/1993	Đất do bà Nguyễn Thị Huyền nhận thừa kế QSD đất năm 2021, thửa đất của bà Nguyễn Thị Huyền làm nhà ở sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 đến nay	Trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp

T	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
7	Nguyễn Thị Hòa	thôn Lâm Đồng	Bắc Sơn	3	162	-636,4	Năm 1964	Đất do gia đình nhận tặng cho từ cha mẹ sử dụng làm nhà ở năm 1964 cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Trồng cây lâu năm	1964	Không	Phù hợp
8	Nguyễn Đức Tình (Nguyễn Thị Tuyết Mùi)	Mỹ Liên	Mỹ Liên	31	173	6,0	Năm 2012	Đất gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2012, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2012 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	2012	Không	Phù hợp
9	Phạm Vũ Quang (Nguyễn Thị Tinh)	Nam Mỹ Lợi	Nam Mỹ Lợi	56	96	-222,8	Năm 1976	Đất do gia đình nhận thừa kế QSD đất năm 2011, thửa đất của cha mẹ làm nhà ở sử dụng ổn định từ năm 1976, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
10	Hoàng Văn Vân (Lê Thị Nghĩa)	Trung Sơn	Trung Sơn	23	243	2.179,5	Năm 1978	Đất do gia đình sử dụng làm nhà ở từ năm 1978, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1978	Không	Phù hợp
11	Nguyễn Mậu Khát (Võ Thị Nguyệt)	Vân Lạc	Vân Lạc	19	541	10,9	Năm 2005	Đất do UBND xã giao làm nhà ở năm 2005, phần diện tích tăng là đất ở sử dụng từ năm 2005 cho đến nay	Đất ở	2005	Không	Phù hợp
12	Lê Văn Đình (Nguyễn Thị Hiền)	Vân Lạc	Vân Lạc	32	432	28,4	Năm 1999	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 2000, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ năm 2000 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	2000	Không	Phù hợp
13	Đặng Thị Lợi	Liên Sơn	Liên Sơn	30	494	-79,6	Năm 1990	Đất bà Đặng Thị Lợi nhận thừa kế năm 2025, thửa đất làm nhà ở sử dụng ổn định năm 1990 cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Trồng cây lâu năm	1990	Không	Phù hợp
14	Lê Văn Vương	Mỹ Liên	Mỹ Liên	38	431	266,7	Trước ngày 15/10/1993	Đất do gia đình sử dụng làm nhà ở ổn định trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (hôn)	Địa chỉ thửa đất (hôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch	
1		2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
15	Nguyễn Văn Khánh (Võ Thị Thủy)	Trung Sơn	Trung Sơn	23	262	6.510,7	Năm 1995	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1995, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1995	Không	Phù hợp	
16	Lê Văn Khoàng (Nguyễn Thị Cúc)	Liên Sơn	Liên Sơn	30	129	-37,1	Năm 2010	Đất gia đình nhận thừa kế QSD đất năm 2010 sử dụng làm nhà ở cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Trồng cây lâu năm	2010	Không	Phù hợp	
17	Lê Văn Thăng (Bùi Thị Hà)	Thanh Sơn	Thanh Sơn	62	557	19,8	Năm 2007	Đất gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2007, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2007 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	2007	Không	Phù hợp	
18	Nguyễn Đình Thời (Nguyễn Thị Xuân)	Minh Xuân	Minh Xuân	94	519	3.008,2	Năm 1983	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1983, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1983	Không	Phù hợp	
19	Nguyễn Đình Du (Phan Thị Chiến)	Tây Xuân	Tây Xuân	63	304	1.161,1	Năm 2009	Đất gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2009, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	2009	Không	Phù hợp	
20	Nguyễn Thị Khanh	Nam Xuân	Nam Xuân	149	150	1.351,4	Năm 1994	Đất do bà Nguyễn Thị Khanh sử dụng làm nhà ở năm 1994, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1994	Không	Phù hợp	
21	Đặng Đình Quân (Nguyễn Thị Liên)	Trung Sơn	Trung Sơn	27	60	1.043,4	Trước ngày 15/10/1993	Đất gia đình sử dụng làm nhà ở ổn định trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp	
22	Võ Thị Kỳ	Bắc Xuân	Bắc Xuân	5	118	1.978,8	Năm 1965	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1965, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1965	Không	Phù hợp	

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1						7,0	8	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
23	Nguyễn Văn Ý (Nguyễn Thị Minh Ngo)	Nam Sơn	Nam Sơn	21	521	6.239,0	Trước ngày 15/10/1993	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1989, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
24	Sử Văn Quân (Võ Thị Sáu)	Nam Sơn	Nam Sơn	25	219	238,8	Năm 1989	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1989, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1989	Không	Phù hợp
25	Nguyễn Kỳ (Ngô Thị Tư)	Đông Xuân	Đông Xuân	44	302	929,1	Trước ngày 18/12/1980	Đất do gia đình sử dụng làm nhà ở ổn định từ trước ngày 18/12/1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
26	Nguyễn Thị Thúy	Đông Xuân	Đông Xuân	31	270	648,0	Trước ngày 18/12/1980	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2011, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2011 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2011	Không	Phù hợp
27	Trần Thị Minh	Văn Lạc	Văn Lạc	18	301	162,4	Năm 2011	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1951, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1951	Không	Phù hợp
28	Trần Thị Liệu	Thanh Sơn	Thanh Sơn	62	581	63,7	Năm 1951	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
29	Đặng Thị Vĩnh	Sa Xá	Sa Xá	59	461	1.429,0	Năm 1993	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1992, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1992	Không	Phù hợp
30	Nguyễn Văn Khuân (Hồ Thị Tân)	xã Đà Teh, tỉnh Lâm Đông	Nam Xuân	138	149	326,3	Năm 1992	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1992, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1992	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Từ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
31	Nguyễn Đình Tư (Nguyễn Thị Thế)	Hồng Xuân	Hồng Xuân	90	316	333,3	Năm 1991	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1991, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1991	Không	Phù hợp
32	Nguyễn Văn Vy	Nam Mỹ Lợi	Nam Mỹ Lợi	56	465	-1.004,7	Năm 1988	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1988 sử dụng ổn định cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm	1988	Không	Phù hợp
33	Đặng Ngọc Hà (Lê Thị Lân)	Vân Lạc	Vân Lạc	18	554	46,1	Năm 2012	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2012, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2012 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2012	Không	Phù hợp
34	Trần Thị Dư	Trương Xuân	Trương Xuân	105	514	-79,4	Năm 1978	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1978 cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm	1978	Không	Phù hợp
35	Đặng Văn Hạnh (Lê Thị Sưu)	Đất Đỏ	Đất Đỏ	1	605	0,0	Năm 1999	Đất do gia đình khai hoang trồng cây làm nghiệp năm 1999, thừa đất do mất giấy CNQSD đất	Rừng sản xuất	1999	Không	Phù hợp
36	Trần Văn Quý (Nguyễn Thị Nghệ)	Tây Xuân	Tây Xuân	89	208	5.732,1	Năm 1993	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
37	Nguyễn Anh Tài	Bắc Sơn	Bắc Sơn	3	268	642,3	trước ngày 15/10/1993	Đất do ông Nguyễn Anh Tài nhận thừa kế QSD đất, thừa đất sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
38	Trần Thị Sen	Trung Sơn	Trung Sơn	23	244	911,5	Năm 1976	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1976, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1		3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
39	Bùi Thị Minh	Bắc Xuân	Bắc Xuân	4	166	1.433,3	Năm 1990	Đất do bà Bùi Thị Minh nhận thừa kế QSD đất năm 2025, thửa đất sử dụng làm nhà ở năm 1990, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1990	Không	Phù hợp
40	Phạm Xuân Hương (Nguyễn Thị Mai)	Hồng Xuân	Hồng Xuân	78	539	521,2	Năm 1970	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1970, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1975 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1970	Không	Phù hợp
41	Nguyễn Thị Xuân	Văn Lạc	Văn Lạc	31	601	85,3	Năm 1986	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1986, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1986 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1986	Không	Phù hợp
42	Nguyễn Thị Ôn	Nam Sơn	Nam Sơn	25	583	1.216,8	Trước ngày 18/12/1980	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở trước ngày 18/12/1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
43	Nguyễn Văn Duyên	Liên Sơn	Liên Sơn	30	515	-11,0	Năm 2013	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng từ năm 2013 cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm	2013	Không	Phù hợp
44	Nguyễn Thị Huyền	Hồng Xuân	Hồng Xuân	65	257	214,8	Năm 1981	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1981, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1981	Không	Phù hợp
45	Nguyễn Hữu Phú (Hồ Thị Trinh)	Đất Đỏ	Đất Đỏ	13	510	74,9	Năm 2013	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2013, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 2013 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2013	Không	Phù hợp
46	Nguyễn Văn Hơi (Nguyễn Mai Sương)	tỉnh Đồng Nai	Tây Xuân	77	408	52,7	Năm 2010	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2010, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2014 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2010	Không	Phù hợp

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
47	Trần Văn Huyền (Phạm Thị Chương)	Hồ Hải, xã Kỳ Anh	Tây Xuân	64	412	408,3	Năm 1986	Đất do gia đình sử dụng làm nhà ở năm 1986, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1998 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1986	Không	Phù hợp
48	Dương Thị Thảo	Đại Đông	Đại Đông	20	617	96,2	Năm 1973	Đất do gia đình sử dụng làm nhà ở năm 1973, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1973 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1973	Không	Phù hợp
49	Hồ Văn Phúc (Nguyễn Thị Xuân)	Nam Xuân	Nam Xuân	129	116	631,8	Năm 1997	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 1999, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1997	Không	Phù hợp

- Danh sách này được công khai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày 16/12/2025, đến ngày 30/12/2025 Tại địa điểm: Trung tâm Hành chính công xã Kỳ Văn, Nhà văn hóa thôn Bắc Xuân, Bắc Sơn, Đại Đông, Đất Đỏ, Đông Xuân, Hồng Xuân, Liên Sơn, Minh Xuân, Mỹ Liên, Nam Mỹ Lợi, Nam Sơn, Nam Xuân, Sa Xá, Tây Xuân, Thanh Sơn, Trường Xuân và Văn Lạc

- Người không đồng ý với kết quả kiểm tra trên đây thì gửi đơn đến UBND xã Kỳ Văn để giải quyết; sau thời gian trên sẽ không xem xét giải quyết.

Kỳ Văn, ngày tháng năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ



Võ Tiến Chung



Nguyễn Đình Kế



Phan Công Toàn